TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 78 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 11 - 2018
V/v Chị T ly hôn anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Liễu và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Không

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2018/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67A/2018/QĐST- HNGĐ ngày 12/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST-NHGĐ ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn 2 TPT, xã KL, thị xã KA, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh Trịnh Quang D, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn PVN, xã TX, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

(Chị T xin xét xử vắng mặt, anh D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Quang D, sinh năm 1981 ở thôn PVN, xã TX tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 02/02/2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TX. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã KL huyện KA, Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không thể bàn bạc được bất cứ việc gì chung, thường xuyên cãi chửi nhau. Do cố gắng níu kéo nên vợ chồng vẫn chung sống nhưng đến tháng 11/2011 thì anh D không ở cùng chị nữa mà chuyển về ở tại xã TX, TT, Thái Bình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về việc nuôi con chung: Chị và anh D có hai con chung là Trịnh Phương L, sinh ngày 08/10/2009 và Trịnh Linh Đ, sinh ngày 14/02/2017. Hiện nay con lớn đang ở với anh D, con bé ở với chị. Chị đề nghị giải quyết giao con Trịnh Phương L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trịnh Linh Đ cho chị trực tiếp nuôi dưỡng hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về việc chia tài sản chung: Chị và anh D không nợ ai, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản.

- Bản tự khai ngày 27/7/2018, bị đơn anh Trịnh Quang D trình bày:

Anh xác định về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn giữa anh và chị Trần Thị T đúng như lời trình bày của chị T. Anh xác định giữa anh và chị Tứ không có hạnh phúc nên đồng ý giải quyết ly hôn.

Về việc nuôi con chung: Anh và chị T có hai con chung là Trịnh Phương L, sinh ngày 08/10/2009 và Trịnh Linh Đ, sinh ngày 14/02/2017. Hiện nay con lớn đang ở với anh, con bé ở với chị T. Anh đề nghị giải quyết giao con Trịnh Phương L cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trịnh Linh Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về việc chia tài sản chung: Anh và chị T không nợ ai, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Trịnh Quang D kết hôn hợp pháp. Do tính tình không hợp nên cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay tình trạng vợ chồng mỗi người một nơi, ai biết bổn phận người đó không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mục đích quan hệ hôn nhân là xây dựng hạnh phúc gia đình giữa chị Trần Thị T và anh Trịnh Quang D không đạt được, cả hai đều xác định không thể cùng chung sống với nhau được nữa nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Trịnh Quang D.

[2]. *Về việc nuôi dưỡng con chung*: Chị Trần Thị T và anh Trịnh Quang D có hai con chung là Trịnh Phương L, sinh ngày 08/10/2009 và Trịnh Linh Đ, sinh ngày 14/02/2017. Anh chị đều có đề nghị giao con Trịnh Phương L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trịnh Linh Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đề nghị của anh, chị là phù hợp pháp luật, đảm bảo sự ổn định của của con chung nên chấp nhận yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung của anh D và chị T.

[3]. *Về phần tài sản*: Do chị Trần Thị T và anh Trịnh Quang D đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Trịnh Quang D.

2.Về nuôi con chung Giao con Trịnh Phương L, sinh ngày 08/10/2009 cho anh Trịnh Quang D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Trịnh Linh Đ, sinh ngày 14/02/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0001518 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị T và anh Trịnh Quang D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận thống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã TX;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan